

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/3/2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quàng Văn Xôm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Hoàng

2. Ông Khoàng Văn Hặc

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Chu Thị Chức – Thư ký Tòa
án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Khả - Kiểm sát viên.*

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện
Mường Chà, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn
nhân gia đình thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16/02/2023 Về việc Ly
hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
06/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quàng Thị O - Sinh năm: 1989.

Bị đơn: Anh Lò Văn D - Sinh năm: 1982

Cùng trú tại: Tổ dân phố 01, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ (bị đơn xin vắng
mặt).

NỘI D VU ÁN

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 10 tháng 11 năm 2022, quá
trình giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Quàng Thị O
trình bày:**

Về hôn nhân: Tôi và anh D tự tìm hiểu nhau từ năm 2004 đến năm 2005
được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa
phương, chung sống với nhau đến nay chưa đăng ký kết hôn. Trong thời gian
đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn,
nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, đến năm 2019
thì sống ly thân cho đến nay không còn quan tâm cuộc của nhau, tôi không còn
tình cảm với anh D, tôi làm đơn xin ly hôn với anh D, đề nghị Tòa án nhân
huyện Mường Chà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con chung là Lò Thị Quỳnh T, sinh ngày 29/9/2005, theo nguyện vọng của cháu ở với bố, tôi cũng nhất trí anh D được trực tiếp chăm sóc giáo dục cháu cho đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, tôi không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 24/02/2023 và trong quá trình giải quyết anh Lò Văn D bị đơn trình bày:

Về hôn nhân:

Tôi và chị Quàng Thị O biết và tìm hiểu nhau từ năm 2004. Năm 2005 được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương, và chung sống với nhau từ đó đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng chúng tôi thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau, không còn quan tâm cuộc sống của nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị O có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 01 con chung là Lò Thị Quỳnh T, sinh ngày 29/9/2005, theo nguyện vọng của cháu và tôi cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc giáo dục cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động, tôi không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác nhận về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và điều kiện nuôi con của anh, chị ngày 25/02/2023 thể hiện: Chị Quàng Thị O và anh Lò Văn D, chung sống với nhau từ năm 2005 cho đến nay chưa có đăng ký kết hôn. Sau tổ chức đám cưới anh chị về chung sống cùng bố mẹ chồng tại tổ dân phố 01, thị trấn Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Thời gian đầu chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, kinh tế khó khăn. Sự việc đã được gia đình hòa giải nhưng không mang lại kết quả. Anh, chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Về con chung: Có 01 con chung là Lò Quỳnh T, sinh ngày: 29/9/2005. Xét về điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trông nom con chung. Anh chị đều làm nông nghiệp, không có công việc ổn định.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm thủ tục tố tụng; cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 228 BLTTDS; Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15; khoản 2 Điều 53, Điều 54; Điều 58; khoản 3 Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật HN&GD năm 2014; căn cứ vào khoản 4 điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014”. Tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Quàng Thị O và anh Lò Văn D.

Về con chung: Cháu Lò Thị Quỳnh T, sinh ngày 29/9/2005, theo nguyện vọng của cháu và thỏa thuận thông nhất của anh chị, giao cháu cho anh D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Ghi nhận việc anh D không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng:

Trong quá trình giải quyết chị O và anh D cùng thống nhất không có tài sản chung, riêng và công nợ, không yêu cầu giải quyết, do vậy không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn khoản 1 Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị miễn toàn bộ án phí cho chị Quàng Thị O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân, nuôi con chung khi ly hôn, nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại bản ở thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mường Chà thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về hôn nhân:

[2]. Chị Quàng Thị O và anh Lò Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, đến năm 2005 được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét về tình cảm của chị O và anh D thấy rằng: Lúc đầu anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2008, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn, cuộc sống anh chị mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn. Đến năm 2019 anh chị sống ly thân cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Do

không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và tình cảm không còn nên chị O làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết anh D cũng xét thấy anh, chị chung sống với nhau cho đến thời điểm hiện nay không còn tình cảm với nhau nữa. Nay chị O có đơn xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. HĐXX xét thấy mặc dù có đủ điều kiện để thực hiện việc đăng ký kết hôn nhưng anh, chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc sống chung như vợ chồng của chị O và anh D không làm phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014” không công nhận quan hệ giữa chị Quàng Thị O và anh Lò Văn D là vợ chồng.

[3]. **Về con chung:** chị O và anh D có 01 con chung là cháu Lò Thị Quỳnh T, sinh ngày 29/9/2005, theo nguyện vọng của cháu và thỏa thuận thống nhất của anh chị, giao cháu T cho anh D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Ghi nhận việc anh D không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. HĐXX xét thấy theo nguyện vọng của cháu T và thỏa thuận thống nhất của chị O và D là hoàn toàn tự nguyện đảm bảo mọi quyền lợi của cháu và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4]. **Xét về tài sản chung:**

Trong quá trình giải quyết chị O và anh D cùng thống nhất không có tài sản chung, riêng và công nợ, không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa chị O vẫn giữ quan điểm không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

[5]. **Về án phí:**

Chị O là dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn khoản 1 Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí HNGĐ cho chị O theo quy định của pháp luật.

Quan điểm hướng giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 15; khoản 2 Điều 53, Điều 54; Điều 58; khoản 3 Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của

Luật HN&GD năm 2014; căn cứ vào khoản 4 điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014”.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Quàng Thị O và anh Lò Văn D là vợ chồng.

2. Về con chung: Theo nguyện vọng của cháu và thỏa thuận thống nhất của anh chị, giao cháu Lò Thị Quỳnh T - Sinh ngày 29/9/2005 cho anh D là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Ghi nhận việc anh D không yêu cầu chị O phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị O có quyền gặp gỡ, thăm hỏi con không ai được cản trở, Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau khi ly hôn, Tòa án xem xét và quyết định khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, riêng và nợ chung, riêng: Không đề cập xem xét giải quyết

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016 của UBNTQH ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí HNGĐ cho Quàng Thị O.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 31/3/2023. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- P.KT NV– THA TAND tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND thị trấn M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quàng Văn Xôm